TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SƠN TÂY – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2022/HNGĐ - ST
Ngày 29/9/2022.
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SƠN TÂY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lã Hùng Cường.

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông P Văn Quang.
Bà Nguyễn Thị Thi.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Ngọc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2022,về việc Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXXST- DS ngày 16/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Giang Hoài P, sinh năm: 1981
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1985

Đều ĐKHKTT: 59 T, phường L, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội

Anh P có mặt. Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trìnhtố tụng tại Tòa án, anh Giang Hoài P là nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn ngày 29/3/2007 có đăng ký tại UBND phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau thì phát

sinh mâu thuẫn nặng nề, nguyên nhân do anh P cho rằng chị Đ có quan hệ ngoại tình. Anh P cũng đã khuyên bảo góp ý để hòa giải vợ chồng nhưng không được, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống mâu thuẫn trầm trọng, hiện tại đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay, mỗi người một nơi không còn quan hệ vợ chồng gì nữa. Anh P xác định không còn tình cảm vợ chồng vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Đ.

Về con chung anh và chị Đ có 02 con là Giang Phương T, sinh ngày 09/2/2008, cháu Giang Phương B, sinh ngày 22/4/2012, hai cháu đang ở cùng anh P, được chăm sóc ăn học đầy đủ. Khi ly hôn anh P xin nuôi hai cháu Giang Phương T và Giang Phương B, hai cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng với bố, anh P không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung : Anh P xác định là không có.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành giao các thông báo, triệu tập chị Nguyễn Thị Đ để giải quyết vụ án nhưng chị Đ không đến Tòa án, Chị Đ có gửi bản bản khai và ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Chị Đ trình bày chị và anh P có quan hệ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn như anh P trình bày là đúng. Hiện tại vợ chồng chung sống không hạnh phúc, đã ly thân, việc anh P xin ly hôn chị đồng ý, về con chung chị Đ và anh P có hai con chung như anh P trình bày, chị đồng ý việc anh P xin nuôi hai con và không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng chị Đ xác định là không có.

Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại địa P nơi trước khi ly thân anh P, chị Đ chung sống, thì xác định vợ chồng có mâu thuẫn hiện tại đã sống ly thân, vợ chồng có 02 con chung như anh P trình bày là đúng.Hiện tại hai cháu đang ở cùng bố, được chăm sóc tốt.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã công bố các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đúng như lời khai và biên bản xác minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

1. Về việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh P đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin hôn của anh Giang Hoài P, anh P được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ . Về con chung giao cho anh Giang Hoài P được trực tiếp nuôi hai cháu Giang P Trinh, sinh ngày:

09/2/2008, cháu Giang P Bảo, sinh ngày: 22/4/2012, ghi nhận sự tự nguyện của anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, công sức và nợ chung của anh P, chị Đ không có. Anh P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà;

[1] Về pháp luật tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Chị Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Chị Nguyễn Thị Đ có quyền và nghĩa vụ sau khi xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Anh Giang Hoài P và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị Đ là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh P và chị Đ là có thật, nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh P cho rằng chị Đ có quan hệ ngoại tình, anh khuyên bảo nhưng chị Đ không nghe, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân hoàn toàn từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay mỗi người một nơi.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh P và chị Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P.

[3]Về con chung: Anh P và chị Đ có hai con chung là Giang Phương T, sinh ngày 09/2/2008; Cháu Giang Phương B, sinh ngày 22/4/2012. Hội đồng xét xử xác định hiện tại hai cháu đang ở cùng anh P, được chăm sóc, sinh hoạt đầy đủ, các con có nguyện vọng ở với bố, anh P có nguyện vọng được nuôi hai con. Vì vậy giao cháu Giang Phương T, cháu Giang Phương B cho anh P được trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình, và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu T và B là được ở với bố. Ghi nhận sự tự nguyện của anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]Về tài sản chung, công sức: Anh Giang Hoài P và chị Nguyễn Thị Đ đều xác nhận là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Nợ chung: Anh Giang Hoài P và chị Nguyễn Thị Đ đều xác nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Về án phí: Anh Giang Hoài P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 6, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Giang Hoài P, anh Giang Hoài P được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Giang P Trinh, sinh ngày 09/2/2008 và Giang P Bảo, sinh ngày 22/4/2012. Giao cho anh Giang Hoài P được trực tiếp nuôi hai con chung là Giang P Trinh và Giang P Bảo,

Đến khi cháu Trinh và cháu Bảo đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị Đ được quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị Đ cho đến khi chị anh P có đơn yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Giang Hoài P phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Giang Hoài P đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0056425 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Giang Hoài P, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.

Nơi nhận:
-Các đương sự.
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TX Sơn Tây;
- Chi cục THADS TX Sơn Tây;
- UBND Nơi ĐKHK, ĐKKH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị Đ cho đến khi chị anh P có đơn yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Giang Hoài P phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Giang Hoài P đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0056425 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Giang Hoài P, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**